

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 182/2020/HS-ST

Ngày: 09-7-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Cát Tường

Bà Nguyễn Thị Hiền

- Thư ký phiên toà: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 179/2020/TLST-HS, ngày 05 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Bùi Trọng H, Sinh năm 1982.

HKTT : Số 07B đường G, phường Tr, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Trọng S (Đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955; Có vợ là Nguyễn Thị Ph, có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 05/5/2003 bị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; Ngày 28/10/2004 Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp tài sản công dân”, tổng hợp hình phạt chung của hai bản án là 08 năm 06 tháng tù. Ngày 22.02.2012 bị Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 03 năm tù giam về tội “Cướp giật tài sản”.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 27/02/2020 đến ngày 04/3/2020 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại trại giam Công an tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

Bị hại: 1. Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1949.

Địa chỉ: Đường V, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Đường Ô, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Quốc S, sinh năm 1976.
Địa chỉ: Đường L, phường S, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 09h 30 phút ngày 25/02/2020, Bùi Trọng H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Weve không đeo biển kiểm soát đi từ chợ cóc, phường Q, thành phố H ra hướng Quốc lộ 1A. Khi đến đường Ng, phường Q, H nhìn thấy bà Nguyễn Thị Bích N đang đi xe đạp trên cổ đeo sợi dây chuyền vàng; H nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên đi theo bà N, Khi đi đến khu vực trước cổng trường nghề ở số 1, phố V, phường Q; H điều khiển xe mô tô áp sát rồi dùng tay trái giật sợi dây chuyền mà bà N đang đeo trên cổ. H tăng ga bỏ chạy về hướng Cầu Bó ra quốc lộ 1A và đi xe đến cửa hàng vàng Ngọc S ở số 167 đường H, phường L, thành phố H bán sợi dây chuyền được 3.450.000đ. Còn mặt dây chuyền gắn viên đá trang sức màu xanh, H mang đến cửa hàng vàng Đở số 156 đường L, phường L, thành phố H bán với giá 3.700.000đ. Số tiền bán vàng H đã tiêu dùng cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 66/KL-HĐ ĐGTS ngày 12/3/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự UBND thành phố Thanh Hóa đã kết luận:

- 01 dây chuyền vàng 10K trọng lượng 2,169 chỉ có giá trị 3.904.200đ;
- 01 mặt dây chuyền 24K, trọng lượng 0,9 chỉ có giá trị 4.032.000đ.
- 01 mặt đá có giá trị 50.000đ.

Tổng giá trị tài sản là 7.986.200đ.

Đối với 01 mặt dây chuyền 24K trọng lượng 0,9 chỉ, chị Nguyễn Thị H là chủ cửa hàng vàng Đ khai nhận không biết sợi dây chuyền vàng mà H bán là do phạm tội mà có nên cửa hàng đã nấu chảy chung với số vàng khác của cửa hàng nên Cơ quan điều tra không có căn cứ thu giữ.

Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho bà N 01 sợi dây chuyền 10K có trọng lượng 2,169 chỉ và 01 viên đá trang trí. Bà N yêu cầu H bồi thường 01 mặt dây chuyền với số tiền 4.032.000đ.

Vụ thứ hai: Khoảng 09h 30 phút ngày 26/02/2020, Bùi Trọng H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Weve không đeo biển kiểm soát đi trên đoạn đường thuộc MB 530, phường Đ, thành phố H về phía chợ Đ thì H phát hiện thấy bà Nguyễn Thị H đang điều khiển xe máy một mình, trên cổ đeo sợi dây chuyền vàng; H điều khiển xe mô tô áp sát rồi dùng tay trái giật sợi dây chuyền mà bà H đang đeo trên cổ. H tăng ga bỏ chạy về hướng chợ Đ. Sau đó H đến cửa hàng vàng Ngọc S ở số 167 đường H, phường L, thành phố H bán được 5.880.000đ. Số tiền bán vàng H đã tiêu dùng cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 12/3/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự UBND thành phố Thanh Hóa đã kết luận:

- 01 dây chuyền vàng 10K trọng lượng 3,206 chỉ có giá trị 5.770.800đ;

- 01 mặt dây chuyền vàng 10K, trọng lượng 0,474 chỉ có giá trị 853.200đ.
- 01 mặt đá có giá trị 50.000đ.

Tổng giá trị tài sản là 6.674.000đ.

Cơ quan điều tra đã thu giữ số tài sản trên và trả lại cho bà H. Bà H không có yêu cầu gì về phần dân sự.

Anh Trần Quốc S yêu cầu H phải bồi thường số tiền 9.330.000đ.

Ngày 27/02/2020, H đã đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố H đầu thú, giao nộp chiếc xe mà H đã sử dụng để cướp giật và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Weve BKS 36B4-37033 mà H đã sử dụng để cướp giật tài sản, qua xác minh, đây là xe của H, đăng ký xe mang tên Bùi Trọng H nên cơ quan CSĐT thu giữ chờ xử lý.

Tại cáo trạng số 169/CT-VKS, ngày 03/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa truy tố Bùi Trọng H về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm d,g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên Quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d,g khoản 2 Điều 171; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 2 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; Tuyên bố bị cáo Bùi Trọng H phạm tội “*Cướp giật tài sản*”, đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Trọng H mức án từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/02/2020.

Về bồi thường dân sự: Bà N yêu cầu H bồi thường 01 mặt dây chuyền với số tiền 4.032.000đ. Anh Trần Quốc S yêu cầu H phải bồi thường số tiền 9.330.000đ.

Do đó buộc bị cáo Bùi Trọng H phải bồi thường số tiền trên.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng với mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Thanh Hóa, Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan điều tra, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Bùi Trọng H thừa nhận: Vào các ngày 25/02/2020 và ngày 26/02/2020, Bùi Trọng H đã sử dụng xe mô tô BKS 36B4-370.33 của mình đi trên địa bàn thành phố H để cướp giật tài sản của bà Nguyễn Thị Bích N 01 sợi dây chuyền vàng có giá trị 7.986.200đ và của bà

Nguyễn Thị H 01 sợi dây chuyền vàng có giá trị 6.674.000đ. Tổng giá trị tài sản mà H cướp giật có giá trị 14.660.200đ.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Quyết định truy tố và lời luận tội của Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Bùi Trọng H phạm tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại điểm d,g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Xét tính chất vụ án: Bị cáo là người có sức khỏe, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động, không chịu làm ăn chân chính. Do muốn có tiền tiêu sài cá nhân, lợi dụng người có tài sản thiếu cảnh giác, bị cáo đã nhanh chóng tiếp cận, giật tài sản rồi tẩu thoát. Hành vi cướp giật tài sản của bị cáo là nguy hiểm, táo bạo, coi thường pháp luật. Bị cáo đã sử dụng xe mô tô làm phương tiện thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người khác đang đi xe trên đường được coi là “dùng thủ đoạn nguy hiểm” có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của người bị hại, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân và gây mất trật tự xã hội. Bị cáo phạm tội đối với người trên 70 tuổi là tình tiết “*phạm tội đối với người già yếu*” . Do đó cần phải được xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo. Do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử nhiều lần về tội xâm phạm sở hữu của người khác nhưng vẫn tiếp tục phạm tội chứng tỏ bị cáo coi thường pháp luật.

Căn cứ vào nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cần cách ly khỏi xã hội đối với bị cáo là cần thiết.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bà Nguyễn Thị Bích N yêu cầu H bồi thường 01 mặt dây chuyền với số tiền 4.032.000đ. Anh Trần Quốc S yêu cầu H phải bồi thường số tiền 02 dây chuyền mà công an đã thu giữ trả cho bị hại là 9.330.000đ. Do đó buộc bị cáo Bùi Trọng H phải bồi thường số tiền trên. Bà Nguyễn Thị H không có yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 USB lưu giữ hình ảnh camera tại cửa hàng vàng Đ không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Weve BKS 36B4-37033 mà H đã sử dụng để cướp giật tài sản là công cụ, phương tiện phạm tội nên tịch thu bán sung quỹ Nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự đối với số tiền phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm d,g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Trọng H phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Trọng H 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/02/2020.

Về bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 584; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc Bùi Trọng H phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Bích N số tiền 4.032.000đ và anh Trần Quốc S số tiền 9.330.000đ.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên phải thi hành án không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng đối với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán, theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu huỷ 01 phong bì niêm phong bên trong có chứa 01 USB có hình dấu của Công an phường L.

Tịch thu bán sung quỹ Nhà nước 01 xe máy Honda nhãn hiệu Weve RSX, màu xám, BKS 36B4-37033 số khung RLHJA3208EY043011; số máy JA32E1097430, xe không có gương hậu phải. Xe cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy móc bên trong.

Hiện số tang vật và tài sản đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H theo biên bản giao nhận vật chứng số 157/THA ngày 11/6/2020 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H với Công an thành phố H.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14.

Bị cáo Bùi Trọng H phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 668.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP H;
- Công an TP H;
- Cục THA TP H;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

Đã ký

Trương Thị Anh